

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Andy Ho	Thành viên
Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên	

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

### **Thông tin về Công ty**

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0900189284 ngày 4 tháng 3 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

**Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức**

Lợi nhuận thuần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty là 1.188.534 triệu VND (năm 2013: 1.296.596 triệu VND).

Ngày 2 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua phương án chi tiết trả cổ tức năm 2013 cho các cổ đông bằng tiền theo tỷ lệ 15% trên mệnh giá với tổng số tiền 628.579 triệu VND và 15% bằng cổ phiếu tương đương với 628.556 triệu VND. Phương án trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 28 tháng 3 năm 2014 và đã được trả trong năm.

**Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh 28, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.

**Đơn vị kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát** **Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

### **Phê duyệt báo cáo tài chính riêng**

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

  
Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2015

**KPMG Limited**

46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower  
72-Storey Building, Plot E6, Pham Hung Street  
Me Tri, Tu Liem, Hanoi City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600  
Fax +84 (4) 3946 1601  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 6 đến 62.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345  
Báo cáo kiểm toán số: 13-02-034-2014-a



---

Đàm Xuân Lâm  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0861-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

---

Nguyễn Tâm Anh  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2015

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>417.341.985.199</b>	<b>201.097.764.521</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>298.740.078.905</b>	<b>60.290.195.658</b>
Tiền	111		15.112.023.349	20.840.195.658
Các khoản tương đương tiền	112		283.628.055.556	39.450.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>79.100.000.000</b>	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		79.100.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>6</b>	<b>34.332.534.430</b>	<b>128.592.415.445</b>
Phải thu khách hàng	131		65.720.830	28.948.343
Trả trước cho người bán	132		29.166.884.651	5.175.741.768
Phải thu khác	135		5.099.928.949	123.387.725.334
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>523.432.038</b>	<b>435.117.672</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.645.939.826</b>	<b>11.780.035.746</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	903.797.727
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		382.759.007	630.173.431
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	7	4.036.625.254	10.105.399.073
Tài sản ngắn hạn khác	158		226.555.565	140.665.515

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>7.952.916.463.492</b>	<b>8.197.853.334.631</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>6</b>	-	<b>448.979.590.000</b>
Phải thu dài hạn khác	218		-	448.979.590.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>52.473.828.613</b>	<b>42.937.554.013</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	19.960.556.125	10.740.750.233
<i>Nguyên giá</i>	222		45.036.294.159	36.979.620.259
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(25.075.738.034)	(26.238.870.026)
Tài sản cố định vô hình	227	9	29.189.433.329	29.776.633.682
<i>Nguyên giá</i>	228		31.110.496.640	31.110.496.640
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.921.063.311)	(1.333.862.958)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	3.323.839.159	2.420.170.098
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>11</b>	<b>222.056.574.478</b>	<b>235.017.927.286</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		259.227.056.200	259.227.056.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(37.170.481.722)	(24.209.128.914)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>7.675.952.203.801</b>	<b>7.468.698.437.533</b>
Đầu tư vào công ty con	251		7.590.768.437.533	7.460.768.437.533
Đầu tư vào công ty liên kết	252		5.730.000.000	7.230.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		191.200.000.000	700.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(111.746.233.732)	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.433.856.600</b>	<b>2.219.825.799</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	2.429.856.600	2.215.825.799
Tài sản dài hạn khác	268		4.000.000	4.000.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>8.370.258.448.691</b>	<b>8.398.951.099.152</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>129.219.019.165</b>	<b>581.248.111.090</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>129.219.019.165</b>	<b>132.268.521.090</b>
Vay ngắn hạn	311		-	100.000.000.000
Phải trả người bán	312		4.008.594.878	1.289.577.635
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314		49.546.584	62.793.357
Phải trả người lao động	315		1.066.786.500	891.695.000
Phải trả khác	319		1.613.115.400	3.276.824.458
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	14	122.480.975.803	26.747.630.640
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>448.979.590.000</b>
Phải trả khác	333	15	-	448.979.590.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>8.241.039.429.526</b>	<b>7.817.702.988.062</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>8.241.039.429.526</b>	<b>7.817.702.988.062</b>
Vốn cổ phần	411	17	4.819.081.750.000	4.190.525.330.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	16	2.207.350.817.068	2.207.350.817.068
Quỹ dự phòng tài chính	418	16	210.868.755.750	151.441.755.750
Lợi nhuận chưa phân phối	420	16	1.003.738.106.708	1.268.385.085.244
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>8.370.258.448.691</b>	<b>8.398.951.099.152</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ (USD)	1.890	1.929
Ngoại tệ (EUR)	104	-
Nhận ủy thác đầu tư (VND)	448.979.590.000	-
Thực hiện đầu tư theo ủy thác (VND)	448.979.590.000	-

Ngày 9 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngan  
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

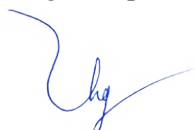
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>29.442.756.667</b>	<b>32.147.880.000</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>		<b>12.961.352.808</b>	<b>12.961.352.808</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>16.481.403.859</b>	<b>19.186.527.192</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.306.874.480.387	1.319.613.824.602
<i>Trong đó: lợi nhuận công ty con chuyển về</i>			<i>1.280.391.606.669</i>	<i>1.293.260.439.530</i>
Chi phí tài chính	22	21	112.170.423.177	33.200.122.370
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>424.189.445</i>	<i>33.198.584.556</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.855.489.405	27.128.881.781
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 22 - 25}</b>	<b>30</b>		<b>1.179.329.971.664</b>	<b>1.278.471.347.643</b>
Thu nhập khác	31	22	17.087.860.027	21.939.485.136
Chi phí khác	32		1.814.692.743	2.553.573.381
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>15.273.167.284</b>	<b>19.385.911.755</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế TNDN (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.194.603.138.948</b>	<b>1.297.857.259.398</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>23</b>	<b>6.068.773.819</b>	<b>1.261.424.409</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>1.188.534.365.129</b>	<b>1.296.595.834.989</b>

Ngày 9 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:





Lý Thị Ngân  
Kế toán trưởng

Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.194.603.138.948</b>	<b>1.297.857.259.398</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		19.171.390.357	19.695.187.793
Các khoản dự phòng	03		111.746.233.732	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(256.016)	1.537.814
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.309.686.525.983)	(1.319.672.969.530)
Chi phí lãi vay	06		424.189.445	33.198.584.556
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>16.258.170.483</b>	<b>31.079.600.031</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(24.078.182.406)	(3.482.676.495)
Biến động hàng tồn kho	10		(32.218.266)	(8.455.622)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		2.274.264.023	(8.924.527.815)
Biến động chi phí trả trước	12		1.070.899.011	2.216.656.275
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.481.300.556)	(45.629.601.298)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(40.885.779.002)	(28.782.107.955)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(46.874.146.713)</b>	<b>(53.531.112.879)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(16.298.238.722)	(31.212.377.024)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.927.000.000	591.363.636
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(279.600.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		10.000.000.000	353.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(130.000.000.000)	(866.337.200.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1.500.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận từ các công ty con	27		1.425.356.210.166	789.152.208.474
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.013.884.971.444</b>	<b>245.193.995.086</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2014 VND</b>	<b>2013 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		162.850.000.000	439.700.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(262.850.000.000)	(410.000.000.000)
Tiền trả cổ tức	36		(628.561.197.500)	(418.878.133.450)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(728.561.197.500)</b>	<b>(389.178.133.450)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>238.449.627.231</b>	<b>(197.515.251.243)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>60.290.195.658</b>	<b>257.805.636.347</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>256.016</b>	<b>(189.446)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>298.740.078.905</b>	<b>60.290.195.658</b>

Ngày 9 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngan  
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

# **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

## **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**Mẫu B 09 – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng; và
- Đầu tư tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 85 nhân viên (31/12/2013: 68 nhân viên).

### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **2.1 Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

#### **2.2 Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

#### **3.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

#### **3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **3.3 Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm.

#### **3.5 Tài sản cố định hữu hình**

##### **(a) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 7 năm  |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

#### **3.6 Tài sản cố định vô hình**

##### **(a) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

##### **(b) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 6 năm.

#### **3.7 Bất động sản đầu tư**

##### **(a) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

##### **(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 năm

#### **3.8 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng, các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 - 4 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

#### **3.9 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

#### **3.10 Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### **3.11 Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

##### **(a) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**(b) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh cho các báo cáo tài chính riêng và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

#### **3.12 Thuế thu nhập**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **3.13 Doanh thu**

##### **(a) *Doanh thu cho thuê***

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

##### **(b) *Thu nhập từ tiền lãi***

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

##### **(c) *Thu nhập từ cổ tức***

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

#### **3.14 Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

#### **3.15 Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

#### 3.16 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, các nhân viên quản lý chủ chốt của Công ty, các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này và các công ty con và công ty liên kết của Công ty và của các cá nhân này.

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	239.028.617	58.657.989
Tiền gửi ngân hàng	14.872.994.732	20.781.537.669
Các khoản tương đương tiền	283.628.055.556	39.450.000.000
	<hr/>	<hr/>
	298.740.078.905	60.290.195.658
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

#### 5. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 7 tháng, có lãi suất dao động từ 5,3% đến 5,7% tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

#### 6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trong các khoản phải thu ngắn hạn có các khoản phải thu từ các công ty con sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Phải thu từ các công ty con</b>		
Phi thương mại	752.358.539	123.218.217.605
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn từ các công ty con không được bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Phải thu ngắn hạn khác gồm:

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền lãi dự thu	4.638.660.039	120.645.834
Lợi nhuận chuyển về từ một công ty con	-	123.000.000.000
Phải thu khác	461.268.910	267.079.500
	<hr/>	<hr/>
	5.099.928.949	123.387.725.334
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Phải thu dài hạn khác gồm:

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khoản ủy thác đầu tư (*)	-	448.979.590.000
	<hr/>	<hr/>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Công ty đầu tư vào Công ty CP Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel do sự ủy thác của Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Á Châu. Số tiền này tương ứng với số tiền nhận ủy thác đầu tư đang được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Thuyết minh 15). Ban Giám đốc Công ty xác định lại khoản đầu tư này không thuộc tài sản của Công ty. Mọi trách nhiệm, rủi ro, tổn thất cũng như mức sinh lời của khoản đầu tư này đều không thuộc về Công ty. Vì vậy, khoản đầu tư này được phản ánh như một tài khoản ngoại bảng.

## **7. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.025.256.080	10.094.029.899
Thuế giá trị gia tăng	11.369.174	11.369.174
	<hr/>	<hr/>
	4.036.625.254	10.105.399.073
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	13.009.232.506	1.447.945.455	22.522.442.298	36.979.620.259
Tăng trong năm	120.026.000		11.747.400.000	11.867.426.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.089.915.476	-	-	3.089.915.476
Thanh lý	-	-	(6.900.667.576)	(6.900.667.576)
Số dư cuối năm	16.219.173.982	1.447.945.455	27.369.174.722	45.036.294.159
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	8.317.097.915	397.402.933	17.524.369.178	26.238.870.026
Khấu hao trong năm	1.770.360.838	232.014.132	3.620.462.226	5.622.837.196
Thanh lý	-	-	(6.785.969.188)	(6.785.969.188)
Số dư cuối năm	10.087.458.753	629.417.065	14.358.862.216	25.075.738.034
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	4.692.134.591	1.050.542.522	4.998.073.120	10.740.750.233
Số dư cuối năm	6.131.715.229	818.528.390	13.010.312.506	19.960.556.125

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 10.278 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 2.490 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	28.755.408.500	2.355.088.140	31.110.496.640
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	1.333.862.958	1.333.862.958
Khấu hao trong năm	-	587.200.353	587.200.353
Số dư cuối năm	-	1.921.063.311	1.921.063.311
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	28.755.408.500	1.021.225.182	29.776.633.682
Số dư cuối năm	28.755.408.500	434.024.829	29.189.433.329

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2014 VND</b>	<b>2013 VND</b>
Số dư đầu năm	2.420.170.098	-
Tăng trong năm	4.430.812.722	2.420.170.098
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.089.915.476)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(437.228.185)	-
Số dư cuối năm	3.323.839.159	2.420.170.098

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**11. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	259.227.056.200
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	24.209.128.914
Khấu hao trong năm	12.961.352.808
Số dư cuối năm	37.170.481.722
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	235.017.927.286
Số dư cuối năm	222.056.574.478

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2014			31/12/2013		
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Số tiền đã đầu tư VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Số tiền đã đầu tư VND
Đầu tư dài hạn vào:						
▪ <b>Công ty con</b>						
• Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	99,72%	99,72%	179.500.000.000	99,72%	99,72%	179.500.000.000
• Công ty CP Nội thất Hòa Phát	99,60%	99,60%	398.400.000.000	99,60%	99,60%	398.400.000.000
• Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	99,91%	99,91%	549.500.000.000	99,89%	99,89%	449.500.000.000
• Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	99,67%	99,67%	149.500.000.000	99,67%	99,67%	149.500.000.000
• Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	99,67%	99,67%	299.000.000.000	99,67%	99,67%	299.000.000.000
• Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	99,00%	99,00%	49.500.000.000	99,00%	99,00%	49.500.000.000
• Công ty CP Thép Hòa Phát	92,00%	92,00%	2.331.937.200.000	92,00%	92,00%	2.331.937.200.000
• Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	99,96%	99,96%	845.030.800.000	99,96%	99,96%	845.030.800.000
• Công ty CP Golden Gain Việt Nam	84,95%	84,95%	729.910.437.533	84,95%	84,95%	729.910.437.533
• Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	99,89%	99,89%	1.238.350.000.000	99,89%	99,89%	1.238.350.000.000
• Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát	100%	100%	600.000.000.000	100%	100%	600.000.000.000
• Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát	99,80%	99,80%	190.140.000.000	99,80%	99,80%	190.140.000.000
• Công ty TNHH MTV Khoáng sản Nam Giang (*)	100%	100%	30.000.000.000	-	-	-
			7.590.768.437.533			7.460.768.437.533
▪ <b>Công ty liên kết</b>						
• Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG	38%	38%	5.730.000.000	38%	38%	5.730.000.000
• Công ty CP Đầu tư và Khai thác Khoáng sản Yên Phú (**)	-	-	-	50%	50%	1.500.000.000
			5.730.000.000			7.230.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác (***)			191.200.000.000			700.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			(111.746.233.732)			-
			7.675.952.203.801			7.468.698.437.533



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Các công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

- (\*) Đây là một công ty con mới thành lập trong năm.  
(\*\*) Khoản đầu tư vào công ty liên kết này đã được chuyển nhượng cho một bên thứ ba trong năm.  
(\*\*\*) Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm:

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội (***)	700.000.000	700.000.000
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông (****)	137.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát (****)	53.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	191.200.000.000	700.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(\*\*\*\*) Đây là khoản đầu tư vốn dài hạn với tỷ lệ vốn góp thực tế dưới 20%.

(\*\*\*\*\*) Đây là khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo cấp cho các công ty con của Công ty. Trong kỳ, khoản cho vay Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông và Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát hưởng lãi suất cố định tương ứng là 1% và 5% một năm.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	-	-
Tăng dự phòng trong năm	111.746.233.732	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	111.746.233.732	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

### **13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí sửa chữa văn phòng VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	1.112.034.673	1.103.791.126	-	2.215.825.799
Tăng trong năm	42.112.829	1.433.967.636	113.636.364	1.589.716.829
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	437.228.185	-	-	437.228.185
Phân bổ trong năm	(519.818.454)	(1.288.360.910)	(4.734.849)	(1.812.914.213)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.071.557.233	1.249.397.852	108.901.515	2.429.856.600
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**14. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	26.747.630.640	13.763.571.895
Trích lập trong năm	136.569.124.165	39.986.166.700
Sử dụng trong năm	(40.835.779.002)	(27.002.107.955)
Số dư cuối năm	122.480.975.803	26.747.630.640

**15. Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Khoản nhận ủy thác đầu tư (*)	-	448.979.590.000

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Công ty nhận ủy thác đầu tư từ Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát Á Châu để đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel. Ban Giám đốc Công ty xác định lại khoản đầu tư này không thuộc tài sản của Công ty. Mọi trách nhiệm, rủi ro, tổn thất cũng như mức sinh lời của khoản đầu tư này đều không thuộc về Công ty. Vì vậy, khoản đầu tư này được phản ánh như một tài khoản ngoại bảng (Thuyết minh 5).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**16. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	4.190.525.330.000	2.207.350.817.068	86.611.964.000	498.213.741.705	6.982.701.852.773
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.296.595.834.989	1.296.595.834.989
Cổ tức	-	-	-	(419.052.533.000)	(419.052.533.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(39.986.166.700)	(39.986.166.700)
Trích bổ sung quỹ dự phòng tài chính	-	-	64.829.791.750	(64.829.791.750)	-
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(2.556.000.000)	(2.556.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	4.190.525.330.000	2.207.350.817.068	151.441.755.750	1.268.385.085.244	7.817.702.988.062
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.188.534.365.129	1.188.534.365.129
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 18)	628.556.420.000	-	-	(628.556.420.000)	-
Cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	-	(628.578.799.500)	(628.578.799.500)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(136.569.124.165)	(136.569.124.165)
Trích bổ sung quỹ dự phòng tài chính	-	-	59.427.000.000	(59.427.000.000)	-
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(50.000.000)	(50.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	4.819.081.750.000	2.207.350.817.068	210.868.755.750	1.003.738.106.708	8.241.039.429.526

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**17. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	481.908.175	4.819.081.750.000	419.052.533	4.190.525.330.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	481.908.175	4.819.081.750.000	419.052.533	4.190.525.330.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	481.908.175	4.819.081.750.000	419.052.533	4.190.525.330.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của số cổ phiếu đang lưu hành trong năm như sau:

	2014		2013	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm	419.052.533	4.190.525.330.000	419.052.533	4.190.525.330.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	62.855.642	628.556.420.000	-	-
Số dư cuối năm	481.908.175	4.819.081.750.000	419.052.533	4.190.525.330.000

**18. Cổ tức**

Ngày 2 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua phương án trả cổ tức năm 2013 cho các cổ đông bằng tiền theo tỷ lệ 15% trên mệnh giá với tổng số tiền 628.579 triệu VND và 15% bằng cổ phiếu tương đương với 628.556 triệu VND. Phương án trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 28 tháng 3 năm 2014 và đã được trả trong năm.

**19. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị cho thuê tài sản không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	26.482.617.702	26.352.368.421
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	1.280.391.606.669	1.293.260.439.530
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	256.016	1.016.651
	<hr/>	<hr/>
	1.306.874.480.387	1.319.613.824.602
	<hr/>	<hr/>

**21. Chi phí tài chính**

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	424.189.445	33.198.584.556
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	111.746.233.732	-
Chi phí tài chính khác	-	1.537.814
	<hr/>	<hr/>
	112.170.423.177	33.200.122.370
	<hr/>	<hr/>

**22. Thu nhập khác**

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	2.927.000.000	591.363.636
Thu từ phí bảo lãnh	7.500.000.000	15.000.000.000
Thu nhập từ cho thuê xe	2.318.640.000	2.342.429.750
Thu nhập khác	4.342.220.027	4.005.691.750
	<hr/>	<hr/>
	17.087.860.027	21.939.485.136
	<hr/>	<hr/>

**23. Thuế thu nhập**

**23.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành</b>		
Năm hiện hành	6.067.163.273	1.263.034.955
Thuế TNDN trích thiếu/(thừa) các năm trước	1.610.546	(1.610.546)
	<hr/>	<hr/>
	6.068.773.819	1.261.424.409
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**23.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	1.194.603.138.948	1.297.857.259.398
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm hiện hành	(256.016)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	111.746.233.732	-
Chi phí không được khấu trừ	1.620.504.883	455.319.951
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	(1.280.391.606.669)	(1.293.260.439.530)
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	27.578.014.878	5.052.139.819
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.067.163.273	1.263.034.955
Thuế TNDN trích thiếu/(thừa) các năm trước	1.610.546	(1.610.546)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	6.068.773.819	1.261.424.409
<b>Thuế TNDN nộp thừa đầu năm</b>	(10.094.029.899)	(11.355.454.308)
<b>Thuế TNDN nộp thừa cuối năm</b>	(4.025.256.080)	(10.094.029.899)

**23.3 Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015 và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016 (2013: 25%).

**24. Các công cụ tài chính**

**24.1 Quản lý rủi ro tài chính**

**(a) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

#### (b) *Khung quản lý rủi ro*

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

#### 24.2 **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay các công ty con và các hợp đồng bảo lãnh đã phát hành.

##### *Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng*

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2014 Triệu VND</b>	<b>31/12/2013 Triệu VND</b>
Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn	(i)	377.601	60.232
Đầu tư tài chính dài hạn khác	(ii)	190.500	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	5.166	123.417
Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành (Thuyết minh 27.3)	(iv)	1.800.000	2.232.000
		<hr/>	<hr/>
		2.373.267	2.415.649

#### (i) *Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn*

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

#### (ii) *Đầu tư tài chính dài hạn khác*

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác của Công ty là các khoản cho vay các công ty con. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản đầu tư này và không cho rằng các công ty này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra quyết định thực hiện các giao dịch với khách hàng đó. Hạn mức nợ và thời hạn trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: Không).

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban Giám đốc tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo.

**(iv) Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành**

Công ty có chính sách chi bảo lãnh tài chính cho các công ty con.

**24.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Dòng tiền theo</b> <b>hợp đồng</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Trong</b> <b>1 năm</b> <b>Triệu VND</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác	5.622	5.622	5.622
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>			
Phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác	4.566	4.566	4.566
Vay ngắn hạn	100.000	106.000	106.000
	104.566	100.566	110.566

**24.4 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(a) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chỉ có tài sản tiền tệ là 1.890 USD và 104 EUR tiền mặt bằng ngoại tệ. Do đó, sự thay đổi của tỷ giá hối đoái không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Công ty.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(b) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất cố định</b>		
Tài sản tài chính	553.228	39.450
Nợ phải trả tài chính	-	(100.000)
	<u>553.228</u>	<u>(60.550)</u>

Do đó, biến động lãi suất không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**24.5 Giá trị hợp lý**

**(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán riêng, như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	298.740	298.740	60.290	60.290
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.166	5.166	123.417	123.417
- Các khoản đầu tư ngắn hạn	79.100	79.100	-	-
- Các khoản đầu tư dài hạn khác	190.500	(*)	-	-
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(5.622)	(5.622)	(4.566)	(4.566)
- Các khoản vay	-	-	(100.000)	(100.000)
	<u>567.884</u>		<u>79.141</u>	<u>79.141</u>

**(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

*Tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phải sinh*

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phải sinh xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**25. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	628.556.420.000	-
Chuyển từ khoản vay cấp cho công ty con sang góp vốn vào công ty con	-	15.000.000.000
Bù trừ các khoản vay từ các công ty con với lợi nhuận phải thu từ các công ty con	-	339.233.717.448
Chuyển từ lợi nhuận phải thu từ một công ty con sang góp vốn vào công ty con này	-	100.000.000.000

**26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
<b><i>Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát</i></b>		
Cho vay	-	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	16.916.547.623	32.093.446.949
<b><i>Công ty CP Nội thất Hòa Phát</i></b>		
Cho vay	86.400.000.000	49.700.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	86.400.000.000	49.700.000.000
Vay	-	72.000.000.000
Thanh toán gốc đi vay	-	72.000.000.000
Góp vốn	-	149.400.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	65.468.524.055	218.243.613.500
<b><i>Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</i></b>		
Cho vay	25.471.665.857	209.100.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	25.471.665.857	209.100.000.000
Vay	89.850.000.000	67.200.000.000
Thanh toán gốc đi vay	89.850.000.000	6.500.000.000
Góp vốn	100.000.000.000	100.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	247.128.334.143	318.134.425.108
<b><i>Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát</i></b>		
Cho vay	53.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	23.473.710.501	12.300.000.000
<b><i>Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát</i></b>		
Vay	15.000.000.000	14.500.000.000
Thanh toán gốc đi vay	15.000.000.000	14.500.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	13.418.047.842	14.175.236.525

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty CP Thép Hòa Phát</b>		
Cho vay	12.700.000.000	31.400.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	12.700.000.000	31.400.000.000
Vay	-	100.000.000.000
Góp vốn	-	499.990.000.000
Thanh toán gốc đi vay	100.000.000.000	100.000.000.000
Phí bảo lãnh	6.000.000.000	12.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	275.994.000.000	-
<b>Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông</b>		
Cho vay	147.500.000.000	95.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	10.000.000.000	10.000.000.000
Góp vốn	-	100.000.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát</b>		
Cho vay	-	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	-
Vay	32.500.000.000	151.000.000.000
Thanh toán gốc đi vay	32.500.000.000	37.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	246.467.442.505	323.533.717.448
<b>Công ty CP Golden Gain Việt Nam</b>		
Nhận thanh toán gốc vay	-	300.000.000.000
Vay	25.500.000.000	-
Thanh toán gốc đi vay	25.500.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	148.843.000.000	140.000.000.000
<b>Công ty CP Năng lượng Hoà Phát</b>		
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	43.000.000.000
Vay	-	35.000.000.000
Thanh toán gốc đi vay	-	35.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	239.758.000.000	199.780.000.000
Phí bảo lãnh	1.500.000.000	-
<b>Công ty CP Khoáng Sản Hòa Phát</b>		
Cho vay	60.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	60.000.000.000	10.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	2.924.000.000	35.000.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Nam Giang</b>		
Góp vốn	30.000.000.000	-
<b>Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thưởng	1.453.312.875	1.172.574.669
Thù lao	1.602.000.000	2.556.000.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**27. Cam kết**

**27.1 Cam kết góp vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết góp vốn sau:

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG	5.670.000.000	5.670.000.000
Công ty CP Đầu tư và Khai thác Khoáng sản Yên Phú	-	13.500.000.000
	<hr/> 5.670.000.000	<hr/> 19.170.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**27.2 Cam kết hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	684.547.600	684.547.600
Trong vòng hai đến năm năm	3.422.736.000	3.422.736.000
Sau năm năm	16.771.405.600	17.455.953.200
	<hr/> 20.878.689.200	<hr/> 21.563.236.800
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**27.3 Cam kết bảo lãnh**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty con như sau:

- Công ty đã bảo lãnh cho các khoản phải trả gốc vay và các hợp đồng thư tín dụng (“L/C”) đến hạn thanh toán của Công ty CP Năng lượng Hòa Phát, với Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam với số tiền tối đa là 600.000 triệu VND (31/12/2013: 600.000 triệu VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty CP Năng lượng Hòa Phát còn vay 14.288 triệu VND tại Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (31/12/2013: 181.525 triệu VND).
- Công ty đã bảo lãnh cho các khoản phải trả gốc vay và các hợp đồng L/C đến hạn thanh toán của Công ty CP Thép Hòa Phát, với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền tối đa là 700.000 triệu VND (31/12/2013: 700.000 triệu VND) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam với số tiền tối đa là 500.000 triệu VND (31/12/2013: 500.000 triệu VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty CP Thép Hòa Phát còn vay 336.626 triệu VND tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (31/12/2013: 416.513 triệu VND) và 240.447 triệu VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (31/12/2013: 297.509 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**28. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

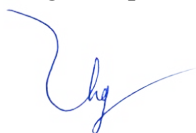
Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ - ĐHĐCĐ.2014 ngày 28 tháng 8 năm 2014 là 67.350 triệu VND theo mệnh giá, tương đương với 6.735.000 cổ phiếu. Các cổ phiếu thưởng này đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết trên thị trường từ ngày 25 tháng 2 năm 2015. Theo chính sách của Công ty, giá trị cổ phiếu phát hành cho người lao động sử dụng thặng dư vốn cổ phần không được ghi là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2014 VND</b>	<b>2013 VND</b>
Chi phí nhân công	8.792.365.123	7.255.505.368
Chi phí khấu hao	19.171.390.357	19.695.187.793
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.079.288.929	3.200.543.262
Chi phí khác	11.773.797.804	9.938.998.166

Ngày 9 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngan  
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc